

Số: /2025/TT-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ**Quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ kiểm định thiết bị xếp dỡ, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải**

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ kiểm định thiết bị xếp dỡ, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ kiểm định thiết bị xếp dỡ, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải (trừ thiết bị phục vụ vào mục đích quốc phòng, an ninh), bao gồm:

a) Thiết bị xếp dỡ được lắp đặt, sử dụng trên phương tiện giao thông vận tải đường bộ, đường sắt; thiết bị xếp dỡ chuyên dùng trong cảng hàng không, cảng thủy, cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu thủy, phương tiện đường sắt;

b) Thiết bị áp lực được lắp đặt, sử dụng trên phương tiện giao thông vận tải đường bộ, đường sắt.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (sau đây gọi là tổ chức kiểm định), tổ chức, cá nhân liên quan đến cung cấp và sử dụng dịch vụ kiểm định thiết bị xếp dỡ, thiết bị áp lực quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Nguyên tắc xác định giá

1. Mức giá cụ thể dịch vụ kiểm định thiết bị xếp dỡ, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải (sau đây gọi là dịch vụ kiểm định thiết bị) do tổ chức kiểm định tự định giá không cao hơn giá tối đa của dịch vụ kiểm định thiết bị theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Giá tối đa, giá cụ thể dịch vụ kiểm định thiết bị chưa bao gồm: thuế giá trị gia tăng, lệ phí cấp giấy chứng nhận; chi phí lưu trú, di chuyển, thông tin liên lạc, tiền lương làm việc ngoài giờ, ngày nghỉ của kiểm định viên theo quy định để thực hiện dịch vụ kiểm định thiết bị.

3. Tổ chức kiểm định được thu các chi phí lưu trú, di chuyển, thông tin liên lạc, tiền lương làm việc ngoài giờ, ngày nghỉ của kiểm định viên để thực hiện dịch vụ kiểm định thiết bị theo chi phí phát sinh thực tế, phù hợp với quy định hiện hành.

4. Thuế giá trị gia tăng, lệ phí cấp giấy chứng nhận được thu theo quy định pháp luật hiện hành.

5. Trường hợp thiết bị không thỏa mãn các yêu cầu quy chuẩn kỹ thuật liên quan sau khi đã được thực hiện kiểm định theo quy định, tổ chức kiểm định thu giá cụ thể đã công bố và thu thêm các chi phí theo quy định tại khoản 3 Điều này.

6. Trường hợp kiểm định viên đã đến hiện trường kiểm định theo đề nghị của tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ kiểm định thiết bị (sau đây gọi là khách hàng) nhưng khách hàng hủy đề nghị kiểm định hoặc phải hủy do các điều kiện về an toàn không đảm bảo theo quy định để thực hiện kiểm định, khách hàng phải trả các chi phí theo quy định tại khoản 3 Điều này.

7. Trường hợp khách hàng yêu cầu cung cấp dịch vụ kiểm định thiết bị vào các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật, tổ chức kiểm định được thu thêm chi phí tiền lương phát sinh phải trả cho kiểm định viên tương ứng với thời gian làm việc thực tế có xác nhận của đại diện khách hàng.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

b) Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận văn bản kê khai giá theo quy định tại khoản 5 Điều 28 Luật Giá.

2. Tổ chức kiểm định có trách nhiệm kê khai, niêm yết, công khai thông tin về giá dịch vụ kiểm định thiết bị xếp dỡ, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải theo quy định pháp luật về giá.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 01 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ Xây dựng;
- Cục KTVB và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Báo Xây dựng, Tạp chí Xây dựng;
- Lưu: VT, KHTC.

KT.BỘ TRƯỞNG**THỨ TRƯỞNG****Nguyễn Xuân Sang**